TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2026/DS-PT.
Ngày: 10/6/2026.
V/v Tranh chấp chia tài sản chung, chia di sản thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Phượng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thọ.

Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng *tham gia phiên tòa*: Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2026/TLPT-DS ngày 07 tháng 01 năm 2026 về việc: "*Tranh chấp chia tài sản chung, chia di sản thừa kế*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 94/2025/DS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 81/2026/QĐXXPT-DS ngày 02 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị Ngọc D, sinh năm 1967; Địa chỉ: Tổ H, thôn Q, phường H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1974. Trú tại: Phường H, thành phố Đà Nẵng (Theo giấy uỷ quyền lập ngày 18/02/2025). Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lâm H, sinh năm 1965 và bà Ngô Thị H1, sinh năm 1972; Cùng địa chỉ: Tổ H, thôn Q, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích D1, sinh năm 1997. Địa chỉ: Khối phố N, phường Q, thành phố Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền ngày 06/3/2026). Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Lê Thanh L – Công ty L2; địa chỉ: Tầng D, tòa nhà R, số C đường X, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.*

1. Bà Lâm Thị T, sinh năm 1961; Địa chỉ: Số F P, phường H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Ông Lâm T1, sinh năm 1964; Địa chỉ: Tổ E, thôn Q, phường H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3. Bà Lâm Thị D2, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn A, xã G, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

4. Bà Dương Thị Hồng V, sinh năm: 1977. Tổ E, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà V: Ông Nguyễn Hữu L1, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ G, phường A, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

5. Ông Nguyễn Văn V1, sinh năm: 1975. Cùng địa chỉ: Tổ E, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

6. Bà Lâm Thị N, sinh năm: 1946. Địa chỉ: Tổ H, thôn Q, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

7. Ông Phạm Công H2, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Tổ A, thôn M, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

8. Bà Đặng Thị T2, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Tổ A, thôn M, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

9. Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Bà Lâm Thị Ngọc D, ông Lâm H, bà Ngô Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người bảo vệ quyền lợi, ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Trước năm 1975 ông Lâm T3 và bà Trần Thị K là cha mẹ ruột của bà Lâm Thị Ngọc D có mua một thửa đất có diện tích 470m^2 tại tổ H, thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Thực hiện chính sách đất đai, ông T3 và bà K đi kê khai và đã được Uỷ ban nhân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà Trần Thị K đối với diện tích 470m^2 đất thổ cư, thời hạn sử dụng lâu dài, thửa đất số 1038, tờ bản đồ số 09 tại thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (cấp ngày 10/02/1995).

Năm 1994 ông Lâm T3 chết không để lại di chúc. Năm 2009 thửa đất số 1038, tờ bản đồ số 09 tách ra 01 thửa có số 1742, tờ bản đồ số 9 diện tích 237m^2, được Ủy ban nhân dân xã H chứng thực ngày 09/05/2009, số 278 quyển số 01TP/CC – SCT/HĐGD. Ông Lâm H và bà Ngô Thị H1 đã nhận tặng cho từ mẹ là bà Trần Thị K. Nguyên đơn cho rằng ông Lâm T3 chết không để lại di chúc trong khi tài sản này thuộc hộ gia đình (gồm có 05 anh chị em) nên mẹ bà Trần Thị K không có quyền tặng cho hết ông Lâm H và bà Ngô Thị H1, không có sự thống nhất ký tên của 04 người con còn lại. Tại thời điểm là bà Trần Thị K lập hợp đồng tặng cho đất cho ông Lâm H và bà Ngô Thị H1 năm 2009, bà K bị tai biến, nằm một chỗ, đầu óc không còn minh mẫn, bản thân bà không biết chữ, cần phải có người giám hộ nhưng chưa cử người giám hộ, không có

sự chứng kiến của tất cả các người con.

Đến năm 2024 toàn bộ diện tích đất còn lại 110,8m^2 được sang tên cho ông Lâm H và bà Ngô Thị H1, thửa đất số 15, tờ bản đồ số 42, tại tổ H, thôn Q, xã H, thành phố Đà Nẵng cũng không công bố cho tất cả các người con là hàng thừa kế thứ nhất của bà K.

Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

1. Tuyên huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng chứng thực số: 278, quyển số 01 TP/CC – SCT/HĐGD.

2. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Lâm H, bà Ngô Thị H1 được nhận tặng cho từ bà Trần Thị K đối với thửa đất số 1742, tờ bản đồ số 9, tại tổ H, thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

3. Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Trần Thị K, ông Lâm H với ông Phạm Công H2, bà Đặng Thị T2 vào ngày 13/03/2012 tại Văn phòng C.

4. Hủy bỏ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Phạm Công H2, bà Đặng Thị T2 với vợ chồng ông Lâm H, bà Ngô Thị H1.

5. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Lâm H và bà Ngô Thị H1 đối với thửa đất số 15, tờ bản đồ số 42, diện tích 110,8m^2 tại tổ H, thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

6. Chia tài sản chung và tài sản thừa kế phần của bà Trần Thị K chết không để lại di chúc. Ông Lâm T3 chết năm 1994, năm 1995 nhà nước cấp cho hộ bà Trần Thị K đứng đại diện diện tích 470m^2 gồm có 06 nhân khẩu, gồm bà Trần Thị K và 05 người con theo giá tạm tính đối với 02 thửa đất nói trên thuộc đất hộ gia đình như sau:

- Đối với thửa đất số 1742, tờ bản đồ số 9, diện tích 237m^2 với giá tiền: 1.800.000.000 đồng chia cho 05 phần = 360.000.000 đồng.

- Đối với thửa đất số 15, tờ bản đồ số 42, diện tích 110,8m^2 với giá 1.000.000.000 đồng chia cho 05 phần = 200.000.000 đồng

Tổng giá trị tạm tính mỗi phần là 560.000.000 đồng.

Ngày 03/09/2025 nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện: Cụ thể không yêu cầu Tòa án giải quyết các yêu cầu: Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Trần Thị K, ông Lâm H với ông Phạm Công H2, bà Đặng Thị T2 vào ngày 13/03/2012 tại Văn phòng công chứng Pháp Chứng thành phố C và Hủy bỏ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Phạm Công H2, bà Đặng Thị T2 với vợ chồng ông Lâm H, bà Ngô Thị H1.

Tại các lời khai có trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn và người bảo vệ quyền lợi, ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:

Ông Lâm T3, sinh năm 1910 và bà Trần Thị K có 5 người con gồm: Lâm Thị T, sinh năm: 1961; Lâm T1, sinh năm: 1964, Lâm H, sinh năm: 1965; Lâm Thị Ngọc D, sinh năm: 1967; Lâm Thị D2, sinh năm: 1972

Khi còn sống, ông T3 bà K có mua một thửa đất để làm nhà ở, nay là thửa đất số

1038, tờ bản đồ số 9 có diện tích 470m^2, thời hạn sử dụng lâu dài, tại xã H, huyện H, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng; đến năm 1995 thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình Trần Thị K ngày 10/02/1995.

Năm 1994, ông Lâm T3 chết không để lại di chúc, năm 2015 thì bà Trần Thị K chết.

Ngày 18/02/2009 thửa đất số 1038 tờ bản đồ số 9 đã tách thêm một thửa mới có số 1742, diện tích 237m^2.

Ngày 17/03/2011 thửa đất số 1038 tờ bản đồ số 9 đã tách thêm một thửa mới có số 2193 có diện tích 110m^2 được phòng tài nguyên và môi trường huyện H cho phép và đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích thửa đất số 2193, tờ bản đồ số 9 cho ông Nguyễn Ngọc T4 và bà Trần Thị N1 theo hợp đồng được Ủy ban nhân dân xã H chứng thực ngày 11/03/2011.

Đối với thửa đất số 1742 có diện 237m^2 vào ngày 09/05/2009, bà Trần Thị K đã lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng số chứng thực số 278, quyển số 01 TP/CC – SCT/HĐGD. Việc bà K tặng cho là hoàn toàn tự nguyện. Trên cơ sở tặng cho của bà Trần Thị K nên ngày 11/03/2024, ông H được Văn phòng đăng ký đất thành phố Đà Nẵng đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DN 467148, số vào cấp GCN: VP 00500, thửa đất số 8, tờ bản đồ số 42, địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng có diện tích 237m^2, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn. Về nhà ở: Loại nhà ở riêng lẻ, diện tích xây dựng: 60.3m^2, diện tích sàn: 60,3m^2 đứng tên vợ chồng chúng tôi Lâm H và bà Ngô Thị H1. Đến ngày 29/03/2024 vợ chồng ông H đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn V1 và bà Dương Thị Hồng V với giá là 1.700.000.000 đồng.

Nay bà Lâm Thị Ngọc D khởi kiện yêu cầu tuyên huỷ hợp đồng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng chứng thực số: 278, quyển số 01 TP/CC – SCT/HĐGD và chia thừa kế theo quy định pháp luật vì cho rằng đây là tài sản cấp cho hộ gia đình bà K không có quyền định đoạt là không đúng. Bởi lẽ: Từ lúc bà K còn sống thì bà Lâm Thị T, ông Lâm T1, bà Lâm Thị D2, bà Lâm Thị Ngọc D đều lấy chồng lấy vợ ra ở riêng. Vợ chồng ông H là người chăm sóc mẹ, đây là tài sản riêng của bà Trần Thị K nên việc bà cho ai là quyền của bà. Ông xác định ông T3 chết 1994 thời điểm này chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên tài sản trên là riêng của bà K.

** Tại văn bản trình bày cùng đề ngày 30/03/2025; biên bản hòa giải tại Tòa án ngày 01/04/2025 những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Lâm Thị T, ông Lâm T1, bà Lâm Thị D2 đều thống nhất trình bày:*

Trước năm 1975, là ông Lâm T3 và bà Trần Thị K mua một thửa đất có diện tích 470m^2 tại tổ H, thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Sau năm 1975, khi đất nước thống nhất có chủ trương đi kê khai lại đất bà K đi kê khai được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà K thửa đất có diện tích 470m^2 đất thổ cư, thời hạn sử dụng lâu dài, cấp ngày 10/02/1995, thửa đất số 1038, tờ bản đồ số 09 tại thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

Các ông bà cho rằng Hợp đồng tặng cho từ bà Trần Thị K với ông Lâm H, bà Ngô Thị H1 không đúng pháp luật, bởi vì:

Năm 1994 ông Lâm T3 chết không để lại di chúc. Năm 2009 thửa đất số 1038, tờ bản đồ số 09 tách ra 1 thửa có số 1742, tờ bản đồ số 9 diện tích 237m^2 được UBND xã H chứng thực ngày 09/05/2009, số 278, quyển số 01 TP/CC – SCT/HĐGD, ông Lâm H và bà Ngô Thị H1 đã nhận tặng cho từ mẹ. Tài sản này thuộc hộ gia đình (có phần của 05 anh chị em ông bà) nên bà K không có quyền tự định đoạt tặng cho hết ông Lâm H, bà Ngô Thị H1.

Tại thời điểm bà Trần Thị K lập hợp đồng tặng cho đất cho ông H, bà H1 vào năm 2009 thì mẹ tôi bị tai biến, nằm một chỗ, đầu óc không còn minh mẫn, bản thân bà không biết chữ, cần phải có người giám hộ nhưng chưa cử người giám hộ, không có sự chứng kiến của tất cả các người con. Việc lập hợp đồng tặng cho đất cho ông Lâm H, bà Ngô Thị H1 định đoạt luôn cả phần thừa kế của ông Lâm T3 và bốn anh chị em chúng tôi là không đúng theo quy định của pháp luật về tặng cho.

Do đó các ông bà thống nhất với đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Tại đơn trình bày gửi Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V1 và bà Dương Thị Hồng V trình bày:* Ngày 29/03/2024 ông Lâm H, bà Ngô Thị H1 đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 8, tờ bản đồ số 42, diện tích 237m^2, địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện H cho chúng tôi và đã được đăng ký biến động Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, thửa đất số 8, tờ bản đồ số 42 hiện nay đã không còn quyền sử dụng đất của ông Lâm H, bà Ngô Thị H1 mà thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông bà.

Vì vậy đề nghị Tòa án xem xét, xác minh lại đối tượng tranh chấp của vụ án giữa bà Lâm Thị Ngọc D và ông Lâm H, bà Ngô Thị H1 để không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà V ông V1.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 94/2025/DS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 Đà Nẵng đã căn cứ vào các - Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 117, 130, 133, 208, 209, 218, 212, 220, 223, 237, 500, 501 Bộ luật dân sự; Khoản 25 Điều 3, Điều 45 Luật đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Ngọc D về việc yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình đối với 237.0m^2 của thửa đất số 8, tờ bản đồ số 42, địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DN467148, số vào sổ cấp GCN:VP00500 do Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C cấp ngày 11/03/2024 đứng tên ông Lâm H và bà Ngô Thị H1, đăng ký chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn V1, bà Dương Thị Hồng V ngày 29/03/2024 và diện tích 110,8m^2 của thửa đất số 15, tờ bản đồ số 42, địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DN497373 được Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C cấp ngày

19/04/2024 đứng tên chủ sử dụng đất ông Lâm H, bà Ngô Thị H1 theo giá trị bằng tiền cụ thể:

Buộc ông Lâm H, bà Ngô Thị H1 có nghĩa vụ thối trả bằng tiền cho ông Lâm T1, bà Lâm Thị Ngọc D, bà Lâm Thị D2 mỗi người số tiền: 603.549.452 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với: Tuyên huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng số chứng thực số 278, quyển số 01 TP/CC – SCT/HĐGD; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Lâm H, bà Ngô Thị H1 được nhận tặng cho từ bà Trần Thị K đối với thửa đất số 1742, tờ bản đồ số 9, tại tổ H, thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Lâm H và bà Ngô Thị H1 đối với thửa đất số 15, tờ bản đồ số 42, diện tích 110,8m2 tại tổ H, thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng và chia thừa kế theo pháp luật của bà Trần Thị K.

Ông Lâm H, bà Ngô Thị H1 được quyền sử dụng và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 15, tờ bản đồ số 42, diện tích: 110,8m^2. Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (nay địa chỉ mới là Thôn Q, phường H, thành phố Đà Nẵng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DN497373, số vào cấp GCN: VP00553 được Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C cấp ngày 19/04/2024 đứng tên ông Lâm H và bà Ngô Thị H1 sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán.

Ông Nguyễn Văn V1 và bà Dương Thị Hồng V được quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 8, tờ bản đồ số 42, diện tích: 237m^2 . Địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (nay địa chỉ mới là Thôn Q, phường H, thành phố Đà Nẵng). Nhà ở: Loại nhà ở riêng lẻ, diện tích xây dựng: 60,3m^2, diện tích sàn: 60,3m^2, nhà cấp IV theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DN467148, số vào cấp GCN: VP00500 được Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C cấp ngày 11/03/2024 đứng tên ông Lâm H và bà Ngô Thị H1. Đăng ký biến động chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn V1 và bà Dương Thị Hồng V ngày 29/03/2024.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

3. Đình chỉ đối với yêu cầu Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Trần Thị K, ông Lâm H với ông Phạm Công H2, bà Đặng Thị T2 vào ngày 13/03/2012 tại Văn phòng công chứng Pháp Chứng thành phố C và Hủy bỏ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Phạm Công H2, bà Đặng Thị T2 với vợ chồng ông Lâm H, bà Ngô Thị H1 mà nguyên đơn đã rút. Nguyên đơn không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 94/2025/DS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Xét kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn thì thấy:

1. Về thủ tục tố tụng: Việc kháng cáo của nguyên đơn bà Lâm Thị Ngọc D và bị đơn là ông Lâm H, bà Ngô Thị H1 được thụ lý đúng điều kiện, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên kháng cáo là hợp lệ.

2. Xét kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn thì thấy:

2.1. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 13/02/2025, Tòa án thụ lý các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: "Huỷ bỏ hợp đồng tặng cho của bà K với vợ chồng ông Lâm H và bà Ngô Thị H1 được UBND xã H chứng thực số 278, quyển số 01TP/CC_SCT/HĐGD ngày 09/05/2009; Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Lâm H và bà Ngô Thị H1 được nhận tặng cho từ bà K đối với thửa đất 1742 tờ bản đồ số 09 ngày 05/06/2009; Chia thừa kế theo pháp luật (Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định rõ chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ai để lại) nhận giá trị 02 thửa đất số 1742 tờ bản đồ số 09 diện tích 237m^2 và thửa đất 1038 tờ bản đồ số 09 diện tích 123m^2. Hai thửa đất trên chia làm 05 phần, tạm tính mỗi phần là 560.000.000 đồng". Ngày 03/4/2025, nguyên đơn có đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung về việc: Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Trần Thị K, ông Lâm H với ông Phạm Công H2, bà Đặng Thị T2 vào ngày 13/03/2012 tại Văn phòng C; Hủy bỏ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Phạm Công H2, bà Đặng Thị T2 với vợ chồng ông Lâm H, bà Ngô Thị H1; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Lâm H và bà Ngô Thị H1 đối với thửa đất số 15, tờ bản đồ số 42, diện tích 110,8m^2 tại tổ H, thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; Chia tài

sản chung của hộ gia đình gồm 6 nhân khẩu trong đó có bà K (di sản của bà K là 1/6 thửa đất).

2.2. Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng, cụ thể như sau:

Tòa án cấp sơ thẩm không xử lý yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn theo quy định, không thụ lý bổ sung nhưng lại tiến hành giải quyết chia tài sản chung của hộ gia đình và các yêu cầu khởi kiện chưa được thụ lý bổ sung là vi phạm thủ tục tố tụng.

2.3. Về xác định những người thuộc hàng thừa kế của bà K: Ông Lâm T3 chết năm 1994, bà Trần Thị K chết năm 2015. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bà K để lại và chia tài sản chung của hộ gia đình. Tại bản khai nhân khẩu ngày 20/3/2001 và tại phiên tòa, các đương sự thừa nhận bà K có chồng là ông Lâm T3, các con là Lâm Thị T, L, Lâm H, Lâm Thị Ngọc D, Lâm Thị D2 và 02 người con riêng là bà Nguyễn Thị Mỹ D3 và ông Nguyễn Văn T5. Ông T5 và bà D3 đã được bà K cho người khác nhận làm con nuôi. Tuy nhiên tại Điều 651 Bộ luật dân sự đã xác định: hàng thừa kế thứ nhất gồm vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người đã chết. Do đó cần thiết phải đưa ông T5 và bà D3 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà D3 và ông T5 vào tham gia tố tụng là vi phạm thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các đương sự.

2.4/ Về xác định di sản thừa kế: Các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất 1038, tờ bản đồ số 9, diện tích: 470m^2 được ông Lâm T3, bà Trần Thị K mua từ năm 1975. Năm 1994, Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Trần Thị K. Tòa án cấp sơ chưa xác minh thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ để xác định thửa đất thửa đất 1038, tờ bản đồ số 9 là tài sản chung của ông T3 bà K hay tài sản chung của hộ gia đình nhưng đã kết luận thửa đất trên là tài sản chung của bà Trần Thị K, bà Lâm Thị T, ông Lâm T1, ông Lâm H, bà Lâm Thị Ngọc D, bà Lâm Thị D2 và xác định di sản của bà K là một phần trong khối tài sản chung của hộ gia đình là chưa đủ căn cứ, mâu thuẫn với lời khai của các đương sự.

Do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng, chưa thu thập đầy đủ các tài liệu chứng cứ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được, chưa xử lý các yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn nhưng lại xem xét giải quyết là vi phạm quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi và nghĩa vụ của các đương sự. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 94/2025/DS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm theo như quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

3. Về án phí DS-PT: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bà Lâm Thị Ngọc D và ông Lâm H, bà Ngô Thị H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn lại cho bà D và ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lâm Thị Ngọc D, bị đơn ông Lâm H; hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 94/2025/DS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng, chuyển toàn bộ hồ sơ cho Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí DS - PT: Bà Lâm Thị Ngọc D, bị đơn ông Lâm H không phải chịu án phí. H3 lại cho bà Lâm Thị Ngọc D số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006741 ngày 05/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. H3 lại cho ông Lâm H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006334 ngày 01/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TP Đà Nẵng;
- TAND KV 4 - Đà Nẵng;
- Phòng THADS KV 4 - Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Võ Thị Minh Phượng